

Số: /BNNMT-MT

Hà Nội, ngày

tháng 8 năm 2025

V/v thực hiện Nghị định số 153/2024/NĐ-CP

ngày 21/11/2024 của Chính phủ

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh/thành phố: An Giang,  
Đắk Lắk, Hải Phòng, Lạng Sơn, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ngãi,  
Khánh Hòa, Vĩnh Long, Huế

Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ Tài nguyên và Môi trường) nhận được các văn bản của các quý Sở về việc đề nghị hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải. Sau khi rà soát các nội dung liên quan đến các nội dung như quan trắc khí thải, lưu lượng khí thải, nồng độ chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến/hướng dẫn được nêu tại Phụ lục kèm theo<sup>1</sup>.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường trân trọng gửi các quý Sở biết, thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thứ trưởng Lê Công Thành (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (để phối hợp);
- Sở NN&MT các tỉnh/thành phố;
- Lưu: VT, MT.LTH.

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**CỤC TRƯỞNG CỤC MÔI TRƯỜNG**

**Hoàng Văn Thúc**

<sup>1</sup> Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi kèm theo Công văn này các văn bản trả lời của Bộ Tài chính về phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định tại Nghị định số 153/2024/NĐ-CP.

## Phụ lục

### **CÁC NỘI DUNG VỀ QUAN TRẮC KHÍ THẢI, LƯU LƯỢNG KHÍ THẢI, NỒNG ĐỘ CHẤT GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG CÓ TRONG KHÍ THẢI** (Kèm theo Công văn số /BNNMT-MT ngày tháng 8 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

#### **1. Về tổ chức thu phí<sup>2</sup>**

Về vấn đề này, Bộ Tài chính đã có Công văn số 385/CST-PLP ngày 28/02/2025 về việc phí bảo vệ môi trường đối với khí thải. Ngày 12/6/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 131/2025/NĐ-CP quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Do đó, đề nghị quý Sở rà soát, đối chiếu các quy định tại 02 Nghị định này để áp dụng đối với địa phương của mình.

#### **2. Về các chất gây ô nhiễm môi trường phải tính phí, thẩm định Tờ khai phí<sup>3</sup>**

- Về các chất gây ô nhiễm môi trường phải tính phí: Điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP quy định mức thu phí biến đổi chỉ đối với 04 chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải như sau: bụi, SO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub> (gồm NO<sub>2</sub> và NO), CO.

- Về thẩm định Tờ khai phí: Bộ trưởng Bộ Tài chính ký ban hành Quyết định số 2869/QĐ-BTC ngày 02/12/2024 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính, do vậy, đề nghị quý Sở có văn bản gửi Bộ Tài chính trả lời theo thẩm quyền.

#### **3. Về thủ tục kê, nộp phí bảo vệ môi trường, thông báo thu phí<sup>4</sup>**

- Về thủ tục kê, nộp phí bảo vệ môi trường, thông báo thu phí, Bộ Tài chính đã có Công văn số 385/CST-PLP ngày 28/02/2025 về việc phí bảo vệ môi trường đối với khí thải, Công văn số 52/CST-PLP ngày 11/3/2025 về việc phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP, đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định là bụi, khí thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý của các dự án, cơ sở sản xuất, kinh

<sup>2</sup> Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang tại Công văn số 260/STNMT-MT ngày 20/01/2025 và Công văn số 477/STNMT-MT ngày 11/02/2025; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Trà Vinh tại Công văn số 1354/SNNMT-MTKS ngày 14/5/2025.

<sup>3</sup> Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang tại Công văn số 260/STNMT-MT ngày 20/01/2025 và Công văn số 477/STNMT-MT ngày 11/02/2025; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Trà Vinh tại Công văn số 1354/SNNMT-MTKS ngày 14/5/2025 có vướng mắc:

- Một số cơ sở chưa đến thời hạn phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp GPMT. Vậy những đối tượng này có thuộc đối tượng thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP không;

- Nếu trường hợp thuộc đối tượng thu phí theo khoản 1 Điều 3 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP thì trong nội dung GPMT thành phần không nêu lưu lượng khí thải phát sinh tối đa nên cơ sở có thể sử dụng lưu lượng phát sinh thực tế đo đạc được từ kết quả quan trắc định kỳ để kê khai và nộp phí BVMT đối với khí thải không.

doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường (sau đây viết tắt là GPMT) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là BVMT). Do đó, trường hợp các cơ sở đang hoạt động có xả bụi, khí thải phải xử lý ra môi trường và thuộc đối tượng phải có GPMT nhưng chưa đến thời hạn phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp GPMT thì vẫn thuộc đối tượng chịu phí BVMT đối với khí thải theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP.

- Phụ lục 29 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường) quy định dự án, cơ sở sản xuất xả bụi, khí thải công nghiệp ra môi trường phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục, quan trắc định kỳ. Trường hợp nội dung GPMT thành phần không nêu lưu lượng khí thải phát sinh tối đa, cơ sở có thể sử dụng lưu lượng phát sinh thực tế đo đạc được từ kết quả quan trắc định kỳ để kê khai và nộp phí BVMT đối với khí thải.

#### **4. Về hoạt động quan trắc khí thải, xác định lưu lượng khí thải, nồng độ chất gây ô nhiễm chịu phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP**

Việc hoạt động quan trắc môi trường (bao gồm quan trắc khí thải) đã được quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

#### **5. Về thực hiện kê, khai nộp phí khí thải; đối tượng chịu phí<sup>4</sup>**

- Điều 6 và Điều 9 Nghị định 153/2024/NĐ-CP quy định cơ sở phải kê khai phí BVMT khí thải đối với tất cả 04 chất gây ô nhiễm môi trường (bụi, SO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub> (gồm NO<sub>2</sub> và NO), CO). Trong trường hợp theo GPMT của cơ sở đã được cấp phép không đủ tất cả 04 chất hoặc thiếu 01 trong 04 chất (bụi, SO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub> (gồm NO<sub>2</sub> và NO), CO) thì cơ sở vẫn phải thực hiện kê khai nộp phí khí thải đối với tất cả 04 chất này; mục i.3 của mục B Mẫu số 1 kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP chỉ quy định 04 chất gây ô nhiễm môi trường (bụi, SO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub> (gồm NO<sub>2</sub> và NO), CO) phải kê khai nộp phí BVMT đối với khí thải.

- Khoản 3 Điều 9 Nghị định 153/2024/NĐ-CP quy định trường hợp cơ sở không có kết quả đo nồng độ hoặc lưu lượng khí thải thì tổ chức thu phí phối hợp với cơ sở để thực hiện đo, phân tích xác định nồng độ, lưu lượng. Trường hợp kết quả quan trắc khí thải tại mỗi dòng khí thải của cơ sở không có các chất gây ô nhiễm môi trường (bụi, SO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub>, CO) thì tính phí biến đổi tại mỗi dòng khí thải đó (C<sub>i</sub>) bằng 0.

---

<sup>4</sup> Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nam Định tại Công văn số 1705/SNNMT-CCMT ngày 22/4/2025; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Yên tại Công văn số 2359/SNNMT-MT ngày 17/6/2025. Về vấn đề thực hiện kê, khai nộp phí khí thải; đối tượng chịu phí, Bộ Tài chính đã có Công văn số 34/CST-PLP ngày 08/01/2025 về việc phí bảo vệ môi trường đối với khí thải và Công văn số 52/CST-PLP ngày 11/3/2025 về việc phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.

## 6. Về phương pháp tính phí<sup>5</sup>

- Phụ lục 29 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP) quy định dự án, cơ sở sản xuất xả bụi, khí thải công nghiệp ra môi trường phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục, quan trắc định kỳ.

- Số phí BVMT đối với khí thải phải nộp (thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục hoặc quan trắc định kỳ theo GPMT hoặc không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải) theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP. Về vấn đề này, Bộ Tài chính đã có Công văn số 670/CST-PLP ngày 23/5/2025 về việc phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.

## 7. Về áp dụng tính phí biến đổi đối với các chất gây ô nhiễm môi trường $\text{NO}_x$ , $\text{SO}_x$ <sup>6</sup>

-  $\text{SO}_x$  (Sulfur Oxides) gồm các oxit của lưu huỳnh ở trạng thái khí, chủ yếu là  $\text{SO}_2$  (sulfur dioxide) và  $\text{SO}_3$  (sulfur trioxide). Quy định  $\text{SO}_x$  là cách viết đại diện cho khí thải nhóm oxide lưu huỳnh, do đó bao gồm cả  $\text{SO}_2$ . Quy định pháp luật về môi trường và các QCVN hiện hành về khí thải công nghiệp chỉ quy định việc kiểm soát đối với chất gây ô nhiễm môi trường  $\text{SO}_2$ , không có quy định đối với chất gây ô nhiễm môi trường  $\text{SO}_3$  trong khí thải. Việc thực hiện quan trắc khí thải của các cơ sở được yêu cầu thực hiện theo các quy định về quan trắc khí thải công nghiệp trong Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các QCVN về khí thải công nghiệp. Theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP, việc xác định số phí biến đổi căn cứ theo kết quả quan trắc định kỳ hoặc tự động, liên tục của cơ sở theo yêu cầu của GPMT.

- Điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP quy định “ $\text{NO}_x$  (gồm  $\text{NO}_2$  và  $\text{NO}$ )”. Như vậy, chất gây ô nhiễm môi trường sử dụng để tính phí biến đổi là  $\text{NO}_x$  (sử dụng kết quả quan trắc đối với  $\text{NO}_2$  và  $\text{NO}$ , không tính các hợp chất oxit nitơ khác, ví dụ  $\text{N}_2\text{O}$ ). Quy định về chất gây ô nhiễm môi trường  $\text{NO}_x$  (gồm  $\text{NO}_2$  và  $\text{NO}$ ) cũng đã thống nhất với quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

## 8. Về xác định số phí biến đổi<sup>7</sup>

Theo ví dụ Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn thì cơ sở A được áp dụng mức ưu đãi nộp bằng 50% số phí biến đổi phải nộp.

<sup>5</sup> Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Huế tại Công văn số 1257/SNNMT-CCBVMT ngày 23/4/2025.

<sup>6</sup> Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 2174/SNNMT-MT ngày 05/5/2025.

<sup>7</sup> Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn tại Công văn số 1274/SNNMT-MTKS ngày 15/5/2025. Theo ví dụ của quý Sở, nồng độ thông số Bụi tổng đo được của cơ sở A (Bụi =  $50,9 \text{ mg/Nm}^3$  (hệ số  $K_p = 0,9$  và hệ số  $K_v = 1,4$ ) tương đương 79,80% ( $(252 \text{ mg/Nm}^3 - 50,9 \text{ mg/Nm}^3) / 252 \text{ mg/Nm}^3 = 79,80\%$ ) khi đối chiếu, so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B của Bụi tổng =  $252 \text{ mg/Nm}^3$ ) thì áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP (cơ sở A được áp dụng mức ưu đãi nộp bằng 50% số phí biến đổi phải nộp).

## **9. Về khí thải có giá trị trung bình (tính trong kỳ nộp phí)<sup>8</sup>**

Căn cứ để xác định mức thu phí quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều Nghị định số 153/2024/NĐ-CP là kết quả quan trắc khí thải (tự động, liên tục hoặc định kỳ) và quy chuẩn kỹ thuật môi trường về khí thải hoặc quy định của chính quyền địa phương về nồng độ chất ô nhiễm trong khí thải (nếu có).

## **10. Về kết quả quan trắc của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường tại thời điểm kê khai, nộp phí còn phải nộp của đối tượng chịu phí<sup>9</sup>**

Nguồn chi phí, trang trải cho hoạt động thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí hoặc được lấy từ nguồn phí để lại theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP, trong đó bao gồm các hoạt động có liên quan đến quan trắc môi trường của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Bên cạnh đó, đề nghị quý Sở gửi phản ánh đến Bộ Tài chính trả lời, hướng dẫn theo thẩm quyền.

## **11. Về việc chuyển đổi đơn vị “m<sup>3</sup>” sang “Nm<sup>3</sup>”<sup>10</sup>**

- Để thuận lợi cho quá trình đo đạc và quy đổi, việc quy định lưu lượng khí thải trong GPMT cần xác định rõ điều kiện kỹ thuật (nhiệt độ, áp suất) của giá trị lưu lượng quy định. Lưu lượng này có thể xác định ở điều kiện đo thực tế hoặc quy đổi về điều kiện tiêu chuẩn.

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT đã quy định cụ thể các phương pháp lấy mẫu và phân tích không khí xung quanh, khí thải. Nội dung các phương pháp đều có các quy định, hướng dẫn phương pháp thực hiện lấy mẫu, đo đạc và báo cáo kết quả, trong đó hướng dẫn về đơn vị của kết quả đo đạc. Do đó, quý Sở có thể tham khảo báo cáo các kết quả đo đạc theo các tiêu chuẩn này và tài liệu hướng dẫn liên quan<sup>11</sup>.

## **12. Về đề xuất Bộ Tài chính tham mưu cho Chính phủ sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP<sup>12</sup>**

Bộ Nông nghiệp và Môi trường ghi nhận và sẽ tổng hợp ý kiến của quý Sở, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo, trình Chính phủ xem xét, sửa đổi trong thời gian tới./.

<sup>8</sup> Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Yên tại Công văn số 2359/SNNMT-MT ngày 17/6/2025.

<sup>9</sup> Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang tại Công văn số 260/STNMT-MT ngày 20/01/2025 và Công văn số 477/STNMT-MT ngày 11/02/2025.

<sup>10</sup> Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa tại Công văn số 192/SNNMT-CCBVMT ngày 13/01/2025; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk tại Công văn số 1654/SNNMT - QLMT ngày 12/5/2025; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Trà Vinh tại Công văn số 1354/SNNMT-MTKS ngày 14/5/2025; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hải Dương tại Công văn số 2374/SNNMT-QLMT ngày 29/5/2025; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ tại Công văn số 1442/SNNMT-BVMT ngày 04/6/2025; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Yên tại Công văn số 2359/SNNMT-MT ngày 17/6/2025.

<sup>11</sup> Ví dụ, về một số tiêu chuẩn có hướng dẫn quy đổi gồm có: US EPA Method 5 - phát thải bụi cho nguồn thải tĩnh và tài liệu hướng dẫn kèm theo; JIS K 0099:2004 - Phương pháp xác định ammoniac trong khí thải; nguyên tắc khi đo khí thải phải ghi đầy đủ thông tin về điều kiện nhiệt độ áp suất.

<sup>12</sup> Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hải Dương tại Công văn số 2374/SNNMT-QLMT ngày 29/5/2025.